

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B - LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **09/2024/DS-ST**

Ngày: 02 - 02 - 2024.

V/v: *Tranh chấp hợp đồng dân sự
vay tài sản giữa bà T với bà M.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B - TỈNH LÂM ĐỒNG
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Đức Trường**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Lê Thị Sáu**

2. Ông **Phạm Đức Minh**

Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Anh Vương** - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà **Lâm Thị Hồng** - Kiểm sát viên.

Ngày **02** tháng **02** năm **2024** tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số **155/2023/TLST-DS** ngày **03** tháng **10** năm **2023** về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản và Tranh chấp về nợ hui*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số **129/2023/QĐXXST-DS** ngày **25** tháng **12** năm **2023** giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Bà **Đỗ Thị T**, sinh năm: **1983**. Địa chỉ: Thôn **8B**, xã **L**, huyện **B**, tỉnh **Lâm Đồng**. (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

* **Bị đơn:** Bà **Nguyễn Thị M**, sinh năm: **1970**. Địa chỉ: Thôn **8B**, xã **L**, huyện **B**, tỉnh **Lâm Đồng**. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 10 tháng 7 năm 2023 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Đỗ Thị T trình bày:

Vào ngày **01/01/2023** bà **T** có cho bà **M** vay số tiền **200.000.000đ**, thời hạn vay **02** tháng, lãi suất thỏa thuận **01%/tháng**. Bà **M** là người viết và điền vào Giấy mượn tiền theo mẫu đã đánh máy sẵn và ký ghi rõ họ và tên. Sau đó bà **M** đã trả tiền lãi được **03** tháng bằng **6.000.000đ**, còn tiền gốc không trả.

Ngoài ra, bà **T** còn choi **03** dây huê do bà **M** làm chủ, cả **03** dây huê bà **T** đều chưa hót nhưng bà **M** bẻ nợ nên các dây huê không tiếp tục nữa. Tổng cộng số tiền mà

bà T đã đóng cho bà M cả 03 dây huê là 110.000.000đ có xác nhận của những người chơi huê chung. Sau đó, bà T đã đòi nhiều lần nhưng bà M không trả.

Vì vậy, bà T khởi kiện yêu cầu bà M phải trả tổng số tiền là 310.000.000đ và không yêu cầu tính lãi suất.

Bị đơn bà Nguyễn Thị M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần (niêm yết) nhưng đều vắng mặt. Vì vậy, không có lời khai của bà Nguyễn Thị M tại Tòa án.

Vụ án không tiến hành hòa giải được do nguyên đơn bà Đỗ Thị T có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên tòa đã phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B đề nghị:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị T đối với bà Nguyễn Thị M về việc tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản; không chấp nhận yêu cầu khởi kiện về tranh chấp về nợ hui;

Buộc bà Nguyễn Thị M phải trả lại cho bà Đỗ Thị T số tiền 200.000.000đ và không tính lãi suất do bà Đỗ Thị T không yêu cầu;

- Về án phí đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Đỗ Thị T có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng giải quyết về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản và Tranh chấp về nợ hui*” đối với bà Nguyễn Thị M. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Đỗ Thị T vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn bà Nguyễn Thị M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai (niêm yết) nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đương sự là phù hợp với quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Vào ngày 01/01/2023 bà T có cho bà M vay số tiền 200.000.000đ, đồng thời có chơi 03 dây huê do bà M làm chủ, cả 03 dây huê bà T đều chưa hót nhưng bà M bẻ nợ nên các dây huê không tiếp tục nữa, số tiền huê mà bà T đã đóng cho bà M là 110.000.000đ. Tổng cộng cả tiền nợ vay và tiền chơi huê là 310.000.000đ. Bà T đã đòi nhiều lần nhưng bà M không trả nên hai bên đã xảy ra tranh chấp.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, lời trình bày của đương sự thì thấy rằng:

Ngày 01/01/2023 bà T có cho bà M vay số tiền 200.000.000đ, thời hạn vay đến ngày 01/3/2023 bà M cam kết sẽ trả đủ cả gốc và lãi đúng thời gian quy định. Tuy nhiên, sau đó bà M không trả. Bà T đã cung cấp cho Tòa án 01 bản chính Giấy mượn tiền được viết trên mẫu đã được đánh máy sẵn, phần cuối có chữ ký, ghi rõ họ tên của bà Nguyễn Thị M.

Ngoài ra bà T còn cung cấp cho Tòa án bản chính các giấy xác nhận chơi huê và giấy theo dõi chơi huê ngày có xác nhận làm chứng của bà Lê Thị Hương, bà Võ Thị Vân, bà Bùi Thị Ngọc và bà Nguyễn Thị Nhạn là những người cùng chơi huê với bà T và nhưng không có giấy chơi huê do chủ huê ký và cũng không có chữ ký xác nhận của bà M trong các giấy xác nhận trên nên không có căn cứ cho rằng bà T có chơi huê với bà M và bà Mười còn nợ của bà T số tiền huê là 110.000.000đ.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập bà M đến làm việc nhiều lần nhưng bà M không đến làm việc nên không có chứng cứ để chứng minh về việc bà M đã trả tiền cho bà T hay chưa. Vì vậy, cần chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà T, buộc bà M phải có trách nhiệm trả cho bà T số tiền vay còn nợ là 200.000.000đ là phù hợp.

Về lãi suất: Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bà T không yêu cầu tính lãi suất nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

Từ những phân tích nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị T đối với bà Nguyễn Thị M; Buộc bà Nguyễn Thị M phải trả cho bà Đỗ Thị T số tiền vay còn nợ là 200.000.000đ.

[3] Về án phí: Vụ kiện có giá ngạch, bà Nguyễn Thị M phải chịu 10.000.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Đỗ Thị T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền không được chấp nhận là 5.500.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 463, Điều 468 và Điều 471 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về “*Mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án*”.

Xử:

1/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị T đối với bà Nguyễn Thị M về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*”.

Buộc bà Nguyễn Thị M phải có trách nhiệm trả cho bà Đỗ Thị T số tiền là 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2/ Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị T đối với bà Nguyễn Thị M về việc “*Tranh chấp về nợ hụi*”.

2/ Về án phí:

Buộc ông Nguyễn Thị M phải chịu 10.000.000đ (M triệu đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bà Đỗ Thị T phải chịu 5.500.000đ (Năm triệu năm trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.750.000đ (Bảy triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013029 ngày 03 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Lâm Đồng. Bà Đỗ Thị T được nhận lại 2.250.000đ (Hai triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí thừa.

3/ Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (02/02/2024), đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Nguyễn Đức Trường

